**CHUYÊN ĐỀ 3**

**QUẢN LÍ GIÁO DỤC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**A. MỤC TIÊU CỦA CHUYÊN ĐỀ**

Sau khi tham gia bồi dưỡng, giáo viên đạt được các mục tiêu sau đây:

- Về kiến thức:

+ Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản lí nhà nước về giáo dục - đào tạo, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế thị trường.

+ Hiểu rõ các các mô hình quản lí công mới và vấn đề vận dụng trong quản lí giáo dục - đào tạo.

+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục.

+ Phân tích được một số chính sách giáo dục đối với giáo dục phổ thông hiện nay như: chính sách chất lượng; chính sách phổ cập giáo dục; **c**hính sách tạo bình đẳng về cơ hội cho các đối tượng hưởng thụ giáo dục và các vùng miền; chính sách xã hội hóa và huy động các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình giáo dục; chính sách đầu tư cho phát triển giáo dục..

- Về kỹ năng:

+ Hình thành được kỹ năng phân tích, đánh giá về các mô hình quản lí nhà nước về giáo dục - đào tạo, xu hướng phát triển của giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

+ Phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả thực hiện của các chính sách giáo dục tại địa phương nói riêng và đối với giáo dục cả nước. Từ đó đề ra được những giải pháp thực hiện có hiệu quả hơn.

+ Phát triển được kỹ năng tương tác và làm việc nhóm

+ Phát triển được kỹ năng nghiên cứu khoa học

- Về thái độ

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập, bồi dưỡng; có tinh thần và tác phong làm việc khoa học, tự giác và linh hoạt trong thực hiện các yêu cầu của khóa học.

+ Xác định đúng động cơ, thái độ và tinh thần làm việc vì sự phát triển chung của giáo dục - đào tạo trong giai đoạn mới.

**B. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ**

Tổng số tiết: 12 tiết

(Theo quy định cụ thể trong Chương trình bồi dưỡng ban hành kèm theo các Quyết định số 1611, 1612/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ngày 16/5/2016).

 **C. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHUYÊN ĐỀ**

Chuyên đề cung cấp cho học viên những hiểu biết về quản lí nhà nước về giáo dục - đào tạo, đặc biệt là trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời giúp học viên biết được mô hình quản lí công mới và sự áp dụng trong quản lí giáo dục- đào tạo; vấn đề cải cách hành chính trong giáo dục - đào tạo. Chuyên đề còn cung cấp cho học viên những kiến thức về các chính sách giáo dục đang được thực hiện trong giai đoạn hiện nay như: Chính sách phổ cập giáo dục;Chính sách tạo bình đẳng về cơ hội cho các đối tượng hưởng thụ giáo dục và các vùng miền; Chính sách tạo bình đẳng về cơ hội cho các đối tượng hưởng thụ giáo dục và các vùng miền; Chính sách chất lượng; Chính sách xã hội hóa và huy động các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình giáo dục; Chính sách đầu tư cho phát triển giáo dục.

**D. NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA CHUYÊN ĐỀ**

**1. Quản lý nhà nước về giáo dục trong cơ chế thị trường**

1.1. Quản lí nhà nước về Giáo dục - Đào tạo

### 1.1.1 Khái niệm

*Quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các hoạt động giáo dục và đào tạo, do các cơ quan quản lí giáo dục của nhà nước từ trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện chức năng, nhiệm vụ do nhà nước ủy quyền nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, duy trì trật tự, kỉ cương, thoả mãn nhu cầu giáo dục và đào tạo của nhân dân, thực hiện mục tiêu giáo dục và đào tạo của nhà nước.*

Quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo chính là việc nhà nước thực hiện quyền lực công để điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục và đào tạo trong phạm vi toàn xã hội để thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà nước.

Trong khái niệm quản lí nhà nước về giáo dục có 3 yếu tố cơ bản là: chủ thể, đối tượng và mục tiêu quản lí nhà nước về giáo dục.

Chủ thể quản lí nhà nước về giáo dục là các cơ quan quyền lực nhà nước (cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp), chủ thể trực tiếp là bộ máy quản lí giáo dục từ trung ương đến cơ sở (các cơ quan quản lí nhà nước về giáo dục được quy định cụ thể trong điều 100 của Luật Giáo dục).

Đối tượng của quản lí nhà nước về giáo dục là hệ thống giáo dục quốc dân, là mọi hoạt động giáo dục và đào tạo trong phạm vi cả nước.

Mục tiêu quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo, về tổng thể đó là bảo đảm trật tự, kỷ cương trong các hoạt động giáo dục và đào tạo, để thực hiện được mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và phát triển nhân cách của công dân. Mỗi cấp học, ngành học có những mục tiêu cụ thể được quy định trong Luật Giáo dục và các điều lệ nhà trường.

### 1.1.2 Tính chất, đặc điểm và nguyên tắc quản lí nhà nước về GD&ĐT

\* Tính chất của quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo

Quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo là quản lí nhà nước về một lĩnh vực cụ thể, cho nên nó có những tính chất chung của quản lí nhà nước và quản lí hành chính nhà nước, cụ thể như sau:

– Tính lệ thuộc vào chính trị: quản lí nhà nước về giáo dục phục tùng và phục vụ nhiệm vụ chính trị; tuân thủ chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước.

– Tính xã hội: giáo dục là sự nghiệp của nhà nước và của toàn xã hội. Trong quản lí nhà nước về giáo dục cần phải coi trọng tính xã hội và dân chủ hoá giáo dục. Giáo dục và đào tạo luôn phát triển trong mối quan hệ với sự phát triển của kinh tế xã hội.

– Tính pháp quyền: quản lí nhà nước là quản lí bằng pháp luật. Quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo cũng phải tuân thủ hành lang pháp lí mà nhà nước đã quy định cho một hoạt động quản lí các hoạt động giáo dục và đào tạo, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

– Tính chuyên môn nghiệp vụ: cán bộ – công chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cần được đào tạo có trình độ tương ứng với yêu cầu về tiêu chuẩn các ngạch, chức danh đã được quy định. Việc tuyển dụng cán bộ – công chức tuân theo các tiêu chuẩn nghiệp vụ, chức danh mà nhà nước đã ban hành.

– Tính hiệu lực, hiệu quả: lấy hiệu quả của hoạt động chuyên môn nghiệp vụ để đánh giá cán bộ – công chức ngành giáo dục và đào tạo; chất lượng, hiệu quả và sự bảo đảm trật tự kỷ cương trong giáo dục và đào tạo là thước đo trình độ, năng lực, uy tín của các cơ sở giáo dục và đào tạo và của các cơ quan quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo.

\* Đặc điểm của quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo

Trong một số tính chất nêu trên, có những tính chất có nét đặc biệt mà ta có thể nhấn mạnh hơn và chúng trở thành các đặc điểm cần lưu ý.

Quản lí nhà nước là việc thực thi ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp để điều chỉnh mọi quan hệ xã hội và hành vi của công dân.

Quản lí hành chính nhà nước là thực thi quyền hành pháp để tổ chức, điều chỉnh mọi quan hệ xã hội, hành vi công dân.

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, một hoạt động mang tính xã hội cao, quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo ở cấp cơ sở thực chất là thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền do nhà nước phân cấp và thực tế là thực thi quản lí hành chính nhà nước đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo. Vì vậy, ở cấp cơ sở, khái niệm quản lí nhà nước và quản lí hành chính nhà nước đối với giáo dục và đào tạo giao thoa với nhau. Bởi vì, đây chính là cấp tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hành chính giáo dục. Trên cơ sở nhận thức đó cần nhấn mạnh 3 đặc điểm sau:

*a. Kết hợp quản lí hành chính và quản lí chuyên môn trong các hoạt động quản lí giáo dục*

Quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo ở cơ sở thực chất là triển khai các hoạt động hành chính nhà nước trong quá trình chỉ đạo các hoạt động giáo dục ở cơ sở. Nó vừa theo nguyên tắc quản lí hành chính nhà nước vừa theo nguyên tắc hành chính giáo dục đối với một cơ sở giáo dục. Đặc điểm hành chính – giáo dục là đặc điểm quan trọng nhất trong hoạt động quản lí nhà nước về giáo dục và chỉ đạo với nhà trường.

Hành chính giáo dục thực chất là triển khai chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do nhà nước ủy quyền, thay mặt nhà nước triển khai sự nghiệp giáo dục và đào tạo; điều hành, điều chỉnh các hoạt động giáo dục và đào tạo trên địa bàn nhằm bảo đảm các quy định, quy chế về giáo dục nhằm thực hiện được mục tiêu giáo dục mà nhà nước quy định. Với vai trò trên, các hoạt động quản lí như bảo đảm môi trường giáo dục, đảm bảo điều kiện giáo dục, bảo đảm trật tự, kỉ cương nhà trường; thanh tra, kiểm tra để bảo đảm quá trình giáo dục và đào tạo thực hiện đúng quy định của nhà nước về mục tiêu, nội dung, quy chế… là hoạt động mang nhiều tính quản lí hành chính. Mặt khác, các hoạt động quản lí quá trình sư phạm… lại mang nhiều tính quản lí chuyên môn. Rõ ràng, quản lí cơ sở giáo dục (nhà trường) thực chất là quản lí các hoạt động hành chính – sư phạm thâm nhập vào nhau, chúng là hai mặt của một quá trình quản lí: quản lí nhà trường. Tuy nhiên, khi ta thực hiện tốt những quy chế chuyên môn chính là ta đang bảo đảm trật tự, kỷ cương trong các hoạt động sư phạm. Mặt khác, khi ta chú ý thích đáng tới việc bảo đảm môi trường kinh tế – xã hội, môi trường giáo dục tốt thì chúng cũng góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục. Cần lưu ý rằng quan tâm thích đáng đến đặc điểm này sẽ giúp cho các cán bộ quản lí giáo dục giải quyết tốt mối quan hệ giữa quản lí theo ngành và quản lí theo lãnh thổ trong hoạt động quản lí giáo dục của mình. Chính vì vậy, một mặt cần phải nắm chắc những quy định, quy chế để chỉ đạo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ ở cơ sở (quản lí hành chính), mặt khác cần phải hiểu rõ nghiệp vụ sư phạm, đặc điểm của quá trình giáo dục để chỉ đạo chuyên môn. Chỉ trên cơ sở biết kết hợp quản lí hành chính và quản lí chuyên môn thì mới có thể chỉ đạo tốt hoạt động giáo dục và đào tạo, tiến tới thực hiện mục tiêu giáo dục và đào tạo của Nhà nước.

*b. Tính quyền lực nhà nước trong hoạt động quản lí*

Đặc điểm thứ hai của quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo cũng là đặc điểm nổi bật của quản lí nhà nước và quản lí hành chính nhà nước nói chung ở mọi lĩnh vực, đó là tính quyền lực nhà nước trong các hoạt động quản lí. Đặc điểm này biểu hiện ở ba vấn đề cơ bản là: tư cách pháp nhân trong quản lí, công cụ và phương pháp quản lí và quan hệ thứ bậc trong quản lí.

– Điều kiện để triển khai quản lí nhà nước là phải có tư cách pháp nhân và yêu cầu về tính hợp pháp trong quản lí là yêu cầu trước hết. Muốn có tư cách pháp nhân để quản lí phải được bổ nhiệm và khi đã được bổ nhiệm cần phải thực hiện đúng, đủ chức năng, thẩm quyền, không lạm quyền cũng không đùn đẩy trách nhiệm; thực hiện đúng chế độ thủ trưởng trong việc ra quyết định và trong việc chịu trách nhiệm về các quyết định quản lí trước tập thể và cấp trên. Trong quản lí nhà nước sẽ không có tư cách pháp nhân để “ra quyền” khi chưa được bổ nhiệm. Tuy nhiên, mỗi tư cách pháp nhân đều có trách nhiệm và quyền hạn tương ứng. Việc hiểu cho đúng, làm cho đủ thẩm quyền là thước đo khả năng sử dụng quyền lực Nhà nước của một tư cách pháp nhân. Trong thực tế có những vấn đề phát sinh do không nhận thức đúng tính quyền lực Nhà nước trong các hoạt động quản lí. Thoái quyền và lạm quyền là hai thái cực của sự vi phạm thẩm quyền. Mặt khác, khái niệm thẩm quyền cũng gắn với sự phân cấp và tuân thủ thứ bậc chặt chẽ trong quản lí nhà nước.

– Phương tiện quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo là các văn bản pháp luật và pháp quy. Phương pháp chủ yếu để quản lí nhà nước là phương pháp hành chính tổ chức. Cần nhận thức rằng pháp luật, pháp quy là sự cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh lợi ích của toàn dân, vì vậy đây chính là hành lang pháp lí cho việc triển khai các hoạt động quản lí giáo dục, bảo đảm tính quyền lực nhà nước trong quản lí. Việc không tuân thủ hành lang pháp lí trong các hoạt động quản lí giáo dục tức là vi phạm trật tự kỷ cương và sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật.

– Trong quản lí nhà nước phải tuân thủ thứ bậc chặt chẽ hoạt động quản lí theo sự phân cấp rõ ràng và mệnh lệnh – phục tùng là biểu hiện rõ nhất của tính quyền lực trong quản lí nhà nước. Tính quyền lực nhà nước ở đây cũng chính là việc cán bộ quản lí giáo dục cấp phòng cần nhận thức đầy đủ rằng cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng trung ương trong quá trình quản lí giáo dục.

*c. Kết hợp nhà nước – xã hội trong quá trình triển khai quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo*

Chúng ta đều biết giáo dục và đào tạo là một hoạt động mang tính xã hội cao và Đảng ta cũng đã nhấn mạnh tư tưởng giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của nhà nước và của toàn xã hội.

Rõ ràng, dân chủ hoá và xã hội hoá công tác giáo dục là một tư tưởng có tính chiến lược và nó có vai trò rất to lớn trong sự phát triển giáo dục nói chung và quản lí giáo dục nói riêng. Nhiều bài toán quản lí giáo dục sẽ rất khó giải quyết nếu không có sự tham gia của đông đảo lực lượng xã hội. Đây cũng là một đặc điểm quan trọng cần nhận thức trong quản lí giáo dục.

Tóm lại: Quản lí nhà nước về giáo dục là việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền do nhà nước quy định, phân cấp trong các hoạt động quản lí giáo dục. Ở một cơ sở giáo dục (nhà trường), quản lí nhà nước về giáo dục thực chất là quản lí các hoạt động hành chính – giáo dục, vì vậy nó có hai mặt quản lí thâm nhập vào nhau, đó là quản lí hành chính sự nghiệp giáo dục và quản lí chuyên môn trong quá trình sư phạm.

\* Nguyên tắc quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo

Hoạt động quản lí nhà nước về giáo dục cần quán triệt hai nguyên tắc cơ bản sau:

*a. Nguyên tắc kết hợp quản lí theo ngành và quản lí theo lãnh thổ*

Mọi cơ sở giáo dục thực hiện chức năng, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo theo sự chỉ đạo ngành dọc, nhưng các cơ sở giáo dục đều đóng trên một địa bàn cụ thể nào đó, vì vậy cũng phải tuân thủ sự quản lí hành chính của địa phương theo quy định phân cấp của nhà nước.

Mọi hoạt động quản lí không thể tách rời sự chỉ đạo theo ngành dọc và theo lãnh thổ, chúng được coi là một nguyên tắc quan trọng trong quản lí nhà nước nói chung và quản lí nhà nước về giáo dục nói riêng.

Nội dung chủ yếu của nguyên tắc này dưới góc độ vĩ mô có thể diễn đạt như sau: sự nghiệp giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân là một hệ thống nhất. Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo thống nhất trong phạm vi cả nước. Chính quyền địa phương quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo theo phần lãnh thổ của mình thông qua cơ quan chuyên môn, theo nhiệm vụ, quyền hạn do nhà nước quy định phù hợp với cơ chế phân cấp.

Để thực hiện được điều đó nhà nước đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của ngành và địa phương như sau:

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Giáo dục và Đào tạo được nhà nước quy định, như:

+ Xét duyệt và cho phát hành các loại sách giáo khoa.

+ Quy định tiêu chuẩn đánh giá, thể lệ cấp phát và thu hồi văn bằng, chứng chỉ giáo dục và đào tạo.

+ Xây dựng tiêu chuẩn định mức giáo viên, tổ chức, quản lí thống nhất việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp.

+ Thực hiện chức năng thanh tra giáo dục trong cả nước

- Nhiệm vụ, quyền hạn Hội đồng nhân dân địa phương:

+ Quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương.

+ Giám sát việc thi hành pháp luật và chủ trương chính sách về giáo dục ở địa phương.

+ Quyết định chủ trương huy động và sử dụng nguồn lực ở địa phương nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở địa phương.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân địa phương.

+ Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục, bảo đảm các điều kiện cho các hoạt động sự nghiệp giáo dục trên địa bàn.

+ Quản lí các trường, các cơ sở giáo dục theo sự phân cấp.

+ Chỉ đạo thực hiện xã hội hoá giáo dục, tổ chức thực hiện phổ cập, xoá mù chữ.

Nói chung, chính quyền địa phương có trách nhiệm bảo đảm môi trường kinh tế – xã hội lành mạnh cho các hoạt động giáo dục diễn ra đúng mục tiêu của nhà nước.

Trong hoạt động quản lí ở một cơ sở giáo dục và đào tạo địa phương phải tuân thủ những quy định, quy chế chuyên môn của ngành dọc (thực hiện quy chế thi cử, văn bằng chứng chỉ, chỉ thị năm học…). Sự kết hợp có hiệu quả sự chỉ đạo của ngành và lãnh thổ trong việc triển khai các hoạt động quản lí giáo dục là một nguyên tắc quan trọng trong quản lí nhà nước về giáo dục.

*b. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lí giáo dục và đào tạo*

Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động chính trị xã hội ở nước ta, đồng thời cũng là một nguyên tắc quan trọng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Quản lí nhà nước về giáo dục cũng tuân thủ nguyên tắc này. Nguyên tắc tập trung dân chủ yêu cầu nhà nước thống nhất quản lí hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung… quy chế thi cử và hệ thống văn bằng (Điều 13, Luật Giáo dục). Bên cạnh đó phân cấp rõ ràng về quản lí giáo dục cho địa phương và tạo điều kiện để cơ sở phát huy chủ động và sáng tạo.

Nguyên tắc tập trung dân chủ cũng đòi hỏi trong quá trình triển khai quản lí, chỉ đạo cần tuân thủ những quy định chung của cấp trên về chủ trương, đường lối, phát triển giáo dục; đòi hỏi cơ sở phải tuân thủ hành lang pháp lí đã quy định nhưng tuyệt đối không được áp đặt, cần tạo điều kiện cho cơ sở phát huy quyền chủ động sáng tạo của họ.

Nguyên tắc tập trung dân chủ có thể vận dụng được trong hoạt động quản lí nhà nước về giáo dục ở cơ sở, cần trả lời cho câu hỏi: làm thế nào giải quyết tốt mối quan hệ giữa chế độ thủ trưởng và thực hiện dân chủ cơ sở ở một trường học?

Rõ ràng nguyên tắc tập trung dân chủ đối với quản lí nhà nước về giáo dục có nghĩa là Nhà nước thống nhất, tập trung quản lí về chế độ, chính sách giáo dục, về mục tiêu, nội dung giáo dục và quy chế văn bằng… Tuy nhiên, tạo điều kiện cho cơ sở chủ động sáng tạo trong việc triển khai các hoạt động giáo dục và quản lí giáo dục cụ thể, tránh việc ôm đồm hoặc buông lỏng trên cơ sở phân cấp, phân quyền về quản lí giáo dục rõ ràng bằng một hành lang pháp lí hợp lí, đồng bộ. Đối với cơ sở, phát huy quyền làm chủ của tập thể sư phạm, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân theo chế độ thủ trưởng đối với việc quản lí nhà nước. Dân chủ hoá giáo dục, dân chủ hoá nhà trường là các tư tưởng lớn, tuy nhiên việc dựa vào các văn bản pháp luật, pháp quy để đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với mọi đối tượng tham gia hoạt động giáo dục là điều cần nắm chắc khi triển khai nguyên tắc tập trung dân chủ ở cơ sở.

Tóm lại, nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ ở đây là phát huy quyền chủ động của cơ sở dựa trên hành lang pháp lí được quy định bởi Luật Giáo dục và những văn bản pháp quy trong hoạt động quản lí giáo dục, đồng thời nâng cao tinh thần cá nhân phụ trách, tập thể lãnh đạo và phát huy dân chủ của tập thể theo quy chế dân chủ cơ sở do Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

### 1.1.3 Nội dung quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo

Quản lí nhà nước đối với các cấp quản lí đào tạo bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục;

- Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; ban hành điều lệ nhà trường; ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục khác;

- Quy định mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục; tiêu chuẩn nhà giáo; tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị trường học; việc biên soạn, xuất bản, in và phát hành sách giáo khoa, giáo trình; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ;

- Tổ chức, quản lý việc bảo đảm chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục;

- Thực hiện công tác thống kê, thông tin về tổ chức và hoạt động giáo dục;

- Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục;

- Tổ chức, chỉ đạo việc đào tạo, bồi dưỡng, quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục;

- Tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực giáo dục;

- Tổ chức, quản lý công tác hợp tác quốc tế về giáo dục;

- Quy định việc tặng danh hiệu vinh dự cho người có nhiều công lao đối với sự nghiệp giáo dục;

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục.

Tuy nhiên QLNN ở các cấp độ khác nhau được cụ thể hoá nội dung không hoàn toàn giống nhau.

- Đối với Bộ GD&ĐT: Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thành viên của Chính phủ thực hiện quyền QLNN về GD-ĐT ở cấp trung ương cần tập trung làm tốt những nội dung sau: Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển giáo dục. Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ cho việc tổ chức và triển khai các hoạt động đổi mới giáo dục trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng, củng cố và tăng cường sức mạnh của bộ máy quản lý giáo dục từ trung ương đến cơ sở theo hướng đổi mới quản lý giáo dục, xác định lại chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan quản lý, thực hiện phân công, phân cấp và đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở nhằm nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả trong quản lý; xây dựng chính sách và cơ chế huy động, sử dụng và quản lí các nguồn lực nhằm bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện đổi mới giáo dục; tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động giáo dục ở các bậc học, ngành học trên phạm vi toàn quốc; đánh giá và thẩm định chất lượng giáo dục.

- Đối với cấp địa phương: Theo Nghị định số 166/2004/NĐ-CP ngày 16/9/2004, Chính phủ đã quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của UBND các cấp. Cấp địa phương (tỉnh, huyện thông qua cơ quan chuyên môn của mình là Sở và Phòng GD&ĐT) thì cần tập trung làm tốt những nội dung chủ yếu sau:

 + Xây dựng, trình và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục ở địa phương.

+ Giúp UBND quản lý công tác chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức, biên chế nhân sự, tài chính, tài sản và các hoạt động giáo dục khác của các cơ sở giáo dục theo đúng quy định của pháp luật.

+ Xây dựng, trình HĐND, UBND các giải pháp thực hiện xã hội hoá giáo dục; chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện;

+ Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc chấp hành luật về giáo dục, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục theo quy định của pháp luật…

- Đối với cấp cơ sở giáo dục (cấp trường) tập trung làm tốt những nội dung chủ yếu sau:

 + Tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách GD&ĐT thông qua việc thực hiện mục tiêu, nội dung, kế hoạch giáo dục và bảo đảm các qui chế chuyên môn, thi cử ... do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành;

 + Quản lí đội ngũ sư phạm, học sinh, CSVC, tài chính ... theo các qui định của pháp luật;

 + Điều hành các hoạt động của nhà trường theo điều lệ nhà trường, nội quy nhà trường và giám sát sự tuân thủ đó;

+ Kết hợp các hoạt động kiểm tra nội bộ trường học với thanh tra của các cấp quản lý.

Như vậy, mặc dù nội dung quản lí nhà nước về GD&ĐT đã được thể chế hoá thành điều 99 Luật Giáo dục, nhưng trong thực tiễn cần nhấn mạnh các nội dung theo cấp độ quản lí, điều này xác đinh "trọng số quan tâm" ở mỗi cấp đó. Nếu ở cấp trung ương chú trọng đến nội dung xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển cho ngành ở phạm vi cả nước thì ở cấp độ địa phương (Sở - Tỉnh, Phòng - Huyện) lại khu trú phạm vi nội dung trên ở địa bàn được phân cấp còn ở cơ sở (nhà trường) nơi mà quản lí nhà nước được hiểu rất cụ thể là thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyển do nhà nước uỷ quyền triển khai các hoạt động quản lí nhà trường thì lại coi trọng việc tổ chức thực hiện những qui định của nhà nước (mà cụ thể là điều lệ nhà trường) ở những hoạt động giáo dục và QLGD cụ thể. Vì vậy, để thực hiện tốt chức năng quản lí nhà nước cần làm tốt công tác thể chế hoá và tăng cường giám sát việc thực hiện. Tuy cấp độ thể chế hoá ở một cấp không hoàn toàn giống nhau nhưng vai trò giám sát, thanh tra thì phải coi trọng ở mỗi cấp độ theo sự phân cấp rõ ràng.

### 1.1.[4. Bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo](file:///D%3A%5CQLNN%5CResFiles%5CAM_1_1_3_2.html)

***a. Bộ Giáo dục và Đào tạo***

Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/03/2008 quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GD&ĐT như sau:

\*Vị trí và chức năng

Bộ GD&ĐT là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác về các lĩnh vực, mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch, chất lượng GD&ĐT, tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý GD, quy chế thi, tuyển sinh, hệ thống văn bằng, chứng chỉ, cơ sở vật chất và thiết bị trường học, quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức của Bộ giáo và Đào tạo:

Cơ cấu tổ chức của Bộ GD&ĐT gồm:

+ Các tổ chức giúp bộ trưởng thực hiện chức năng QLNN về GD&ĐT có 23 đơn vị bao gồm: 15 Vụ, 5 Cục, Văn phòng, Thanh tra và cơ quan đại diện của Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh.

+ Các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ gồm: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Học viện Quản lý giáo dục, Trường cán bộ quản lý giáo dục thành phố HCM, Báo Giáo dục và Thời đại, Tạp chí Giáo dục…

Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Bộ GD&ĐT chịu trách nhiệm thực hiện QLNN về GD theo quy định tại: Điều 99, Điều 100 Luật Giáo dục, Nghị định 32/2008/NĐ-CP, ngày 19/03/2008 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước và Điều 8, Điều 9 của nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/06/2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước.

***b. Tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo***

 Chức năng, nhiệm vụ của Sở Giáo dục – Đào tạo được xác định theo thông tư 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2011 Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo như sau:

**\* Chức năng:**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo, tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

\* **Tổ chức và biên chế của Sở Giáo dục - Đào tạo**

1. Lãnh đạo Sở

Sở Giáo dục và Đào tạo có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc; đối với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không quá 04 Phó Giám đốc.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Cơ cấu tổ chức Sở gồm: Văn phòng, Thanh tra, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch - Tài chính và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình UBND cấp tỉnh quyết định cụ thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở;

c) Cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp (không bao gồm các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp công lập của các Bộ đóng trên địa bàn); trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú; trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp; trung tâm giáo dục thường xuyên; trung tâm ngoại ngữ, tin học; trường, lớp dành cho người khuyết tật; trường, cơ sở thực hành sư phạm và các cơ sở giáo dục trực thuộc khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh.

3. Biên chế

Căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý biên chế công chức, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo ngạch, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt và quyết định số biên chế công chức hàng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm đủ biên chế công chức theo vị trí việc làm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

***c. Tổ chức bộ máy của Phòng Giáo dục và Đào tạo***

Thông tư liên tịch số 47/ TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2011 hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Giáo dục và Đào tạo gồm các nội dung sau:

**\* Vị trí và chức năng của phòng Giáo dục và Đào tạo**

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, có chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và nhiệm vụ công tác của UBND cấp huyện; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

**\* Tổ chức và biên chế**

1. Lãnh đạo Phòng

Phòng Giáo dục và Đào tạo có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

2. Biên chế

Căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý biên chế công chức, Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Nội vụ xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo ngạch trình UBND cấp huyện phê duyệt và quyết định số biên chế công chức hàng năm của Phòng Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm đủ biên chế công chức theo vị trí việc làm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Các cơ sở giáo dục: Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục (bao gồm cả các cơ sở giáo dục có sự tham gia đầu tư của các tổ chức và cá nhân nước ngoài): trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường tiểu học; cơ sở giáo dục mầm non.

1.2. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Nước ta đang tiến hành thực hiện sự nghiệp CNH -HĐH, đang bước vào giai đoạn cạnh tranh công nghiệp hóa, nhưng đồng thời lại phải đối mặt với những ảnh hưởng của giai đoạn xã hội thông tin hóa và giáo dục dịch vụ, điều này các nước phát triển trong quá trình chưa hề gặp phải do sự khác biệt về chế độ chính trị, là hình thức mới tất yếu sẽ có những vấn đề mới này sinh. Chính trong tình hình mới như vậy cần đặc biệt quan tâm đến công tác đổi mới quản lí nhà nước về giáo dục - đào tạo. Chúng ta cần xác định rõ: giáo dục phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội phải dựa vào giáo dục. Do vậy, phải có những chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, vai trò, vị trí của giáo dục trong tiến trình phát triển quốc gia. Hiện nay, giáo dục được xem là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển... Được khẳng định trong các Văn kiện Đại hội VII (1991), VIII (1996) và Đại hội IX, Hiến pháp 1992 và nhiều Văn kiện khác của Đảng, Chính phủ.

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường đa thành phần của nước ta, một mặt tạo ra những nguồn lực mới cho sự phát triển kinh tế, một mặt khác cũng đặt ra những nhu cầu mới về sự đa dạng giáo dục - đào tạo của các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế trong xã hội. Chính sách bao cấp về giáo dục, đào tạo đã tỏ ra không thích ứng với những đòi hỏi mới của đời sống xã hội. Do vậy, các nhà quản lí giáo dục chủ trương đa dạng hóa các loại hình đào tạo không chỉ cho nhu cầu nhà nước mà cho toàn xã hội, người đi học phải đóng học phí, bãi bỏ chế độ phân phối học sinh tốt nghiệp đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề. Cho phép mở rộng từng bước phát triển các trường ngoài công lập như bán công, dân lập, tư thục, các trường liên doanh với các tổ chức quốc tế và trường 100% vốn đầu tư từ nước ngoài. Đây được coi là một bước chuyển quan trọng của quản lí phát triển giáo dục đào tạo ở Việt Nam. Sự ra đời và phát triển nhanh chóng của loại hình trường, cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập từ giáo dục mầm non đến giáo dục đại học đã mang lại một diện mạo mới cho sự phát triển của hệ thống giáo dục đào tạo ở nước ta không chỉ là ở khía cạnh đa dạng loại hình, huy động thêm nguồn lực xã hội cho sự phát triển giáo dục mà còn tạo tiền đề thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục, từng bước hình thành thị trường giáo dục - đào tạo có định hướng trong phát triển nguồn nhân lực.

Giáo dục - đào tạo là nhu cầu, quyền lợi cơ bản của mọi thành viên trong xã hội, do đó chính sách quản lí phải đảm bảo sự công bằng và tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người trong giáo dục. Chính sách quản lí này nhất thiết phải nhất quán, đặc biệt nền kinh tế thị trường nhiều thành phần đang hàng ngày tạo ra những khoảng cách thu nhập ở các tầng lớp dân cư và này sinh những tiêu cực trong xã hội (khoảng cách giàu - nghèo đã tăng lên 10 lần). Cùng với những chủ trương miền phí ở bậc tiểu học, chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về miền giảm học phí cho các đối tượng chính sách, lập quỹ cho vay đối với học sinh nghèo; tăng đầu tư cho giáo dục miền núi và các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, cho các dân tộc ít người... Việc chuyển từ chính sách bình quân, cào bằng sang chủ trương công bằng và bình đẳng trong giáo dục - đào tạo đã và đang tạo ra những điều kiện mới, động lực mới cho công cuộc phát triển giáo dục - đào tạo ở nước ta.

Phù hợp với hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền, quản lí điều phối mọi hoạt động xã hội bằng hệ thống pháp luật; các chính sách phát triển giáo dục và đào tạo ở nước ta thời gian vừa qua cũng đã được thể chế hóa từng bước bằng luật và các văn bản dưới luật của Nhà nước. Mặt khác, Nhà nước ta cũng đã từng bước giao và tăng quyền tự chủ cho địa phương, cơ sở và các trường, tạo điều kiện tốt để các cơ sở có thể không những hoàn thành nhiệm vụ được giao mà còn có thể chủ động phát huy sáng tạo, tạo mọi nguồn lực để phát triển. Hiện nay các cơ quan quản lí giáo dục và nhà trường phải thực hiện nghiêm túc các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ; công khai, minh bạch trong thu - chi tài chính, công khai chất lượng giáo dục, đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường hay cơ sở giáo dục. Kiên quyết ngăn chặn và xử lí nghiêm minh đối với các hành vi tham nhũng, sử dụng kinh phí giáo dục sai mục đích, làm thất thoát kinh phí giáo dục; lợi dụng hoạt động giáo dục để vụ lợi. Huy động các lực lượng giáo dục tham gia xây dựng môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh; ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường và các cơ quan giáo dục. Xây dựng đời sống văn hóa mới trong toàn ngành.

Có thể nói, giáo dục nước ta đang trong quá trình hình thành và xây dựng mô hình quản lí nhà nước về giáo dục theo cơ chế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong suốt những năm đổi mới, ngành giáo dục đào tạo nước ta đã thực sự làm được nhiều việc và trên thực tế, chúng ta đang ngày càng tiếp cận một mô hình đích thực để đào tạo ra những con người XHCN, những con người Việt Nam yêu nước, có bản lĩnh vững chắc xây dựng thành công và bảo vệ thắng lợi sự nghiệp chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tuy nhiên trong những năm trước mắt, chúng ta cần tập trung giải quyết tốt một số vấn đề tồn tại sau:

- Xây dựng lại chức năng và nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và đào tạo để đây là cơ quan duy nhất và là đầu mối duy nhất có hiệu lực thuộc Chính phủ về quản lí nhà nước về Giáo dục và đào tạo. Coi đây là điều kiện cơ bản và then chốt để có thể thực hiện đúng được 12 nội dung quản lí Nhà nước về giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam năm 2009.

Nâng cao mối quan hệ trách nhiệm gắn bó mật thiết, chặt chẽ, hữu cơ với các Bộ, Ban, ngành TW hơn nữa, chẳng hạn như Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ và Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội để phối hợp thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển giáo dục đào tạo có hiệu quả.

Nghiêm chỉnh thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lí đồng thời kiên quyết thực hiện triệt để và có hiệu quả việc phân cấp quản lí từ TW đến địa phương, cho tới từng trường học, cơ sở đào tạo.

Hoàn thành và sớm ban hành đồng bộ các văn bản pháp quy dưới Luật Giáo dục, trình Chính phủ và Quốc hội điều chỉnh lại Luật Giáo dục và xây dựng các luật khác trong giáo dục - đào tạo.

- Tăng cường và mở rộng hệ thống thông tin và công tác dự báo giáo dục trong toàn ngành, trong toàn khu vực, địa phương, trong nước và quốc tế.

- Hiện đại hóa công tác tổ chức và quản lí nhờ vào sự phát triển tiến bộ không ngừng của lĩnh vực công nghệ thông tin hiện nay.

- Xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học trong toàn ngành làm cơ sở cho việc đánh giá và thường xuyên thực hiện thanh tra giáo dục.

- Đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí giáo dục

- Sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành

- Trình Chính phủ và Quốc hội ban hành những chính sách có tính đặc thù cho Giáo dục - đào tạo, trước hết là chính sách đồng bộ giữa đào tạo với sử dụng.

- Triển khai thực hiện đồng bộ đề án đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đang tiếp tục tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới, đanh nhanh chóng chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp sang nên kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đang đẩy mạnh sự nghiệp CNH - HĐH đất nước. Đại hội Đảng lần thứ XI cũng đã khẳng định: "Phấn đấu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đồng thời vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt, độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững vàng; vị thể của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao trong giai đoạn sau". Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hoàn thiện. Để góp phần đạt được mục tiêu này, riêng phần quản lí nhà nước về giáo dục cần tiếp tục xây dựng được một mô hình quản lí thích hợp - mô hình quản lí nhà nước về giáo dục theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.3. Mô hình quản lý công mới và áp dụng đối với giáo dục và đào tạo

"Quản lý công mới" là thuật ngữ dùng để chỉ hàng loạt các hoạt động cải cách diễn ra trong nền hành chính của các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) những năm cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90 thế kỷ trước, có thể coi là một hệ tư tưởng về cải cách được hình thành trong khu vực tư và áp dụng vào khu vực công. Nó bao gồm hầu hết những thay đổi về cấu trúc, tổ chức và quản lý diễn ra trong khu vực công của các nước OECD. Thuật ngữ này được sử dụng lần đầu tiên vào năm 1991 bởi tác giả Christopher Hood trong hàng loạt bài viết của ông về chủ đề này. Mô hình quản lý công mới có những đặc điểm sau:

- Giảm chi phí trực tiếp trong khu vực công và tăng cường kỷ luật lao động nhằm cải thiện việc sử dụng nguồn lực.

- Áp dụng thực tiễn quản lý của khu vực tư nhằm tăng cường sự linh hoạt trong việc ra quyết định.

- Cạnh tranh trong khu vực công (thông qua hợp đồng ngắn hạn và thông qua đấu thầu). Đây chính là yếu tố cơ bản để giảm chi phí và cải thiện chất lượng hoạt động.

- Phân quyền quản lý, trao quyền cho các tổ chức để quản lý hiệu quả hơn và tăng tính cạnh tranh giữa chúng.

- Chuyển từ kiểm soát đầu vào sang kiểm soát đầu ra, nhấn mạnh đến kết quả hơn là quá trình.

- Các chuẩn mực trong thực thi công vụ rất rõ ràng, đánh giá thực thi công vụ được thực hiện, vì trách nhiệm trong công vụ đòi hỏi phải xác định rõ ràng mục tiêu hay kết quả cần phải đạt được của cá nhân và tổ chức và hiệu quả đòi hỏi phải quan tâm đến mục tiêu và quản lý theo định hướng kết quả hoặc theo mục tiêu.

- Nhà quản lý được trao quyền để quản lý các công việc của tổ chức, vì trách nhiệm đòi hỏi nhiệm vụ rõ ràng và không lạm dụng quyền lực. Mối quan tâm lớn nhất là thực thi công vụ và minh bạch.

Sự ra đời của mô hình quản lý công mới đã chuyển mô hình hành chính công truyền thống sang quản lý công. Với quan điểm cho rằng mô hình tổ chức và cung cấp dịch vụ công truyền thống với đặc điểm mang tính độc quyền, tính tập trung cao, quan liêu máy móc với quá nhiều quy định chỉ mang lại hiệu quả thấp, chi phí cao và không đáp ứng được yêu cầu phát triển, thì mô hình quản lý công mới ra đời sẽ mang đến một nền hành chính gọn nhẹ hơn, với cơ cấu tổ chức đơn giản hơn. Với mô hình này, các nhà quản lý sẽ được trao thêm quyền chủ động, sáng tạo hơn, các tổ chức cung cấp dịch vụ dưới áp lực cạnh tranh sẽ phải đảm bảo chất lượng. Nếu như mô hình hành chính công truyền thống chú ý tới việc quản lý các quy định của luật và vai trò của các tổ chức hành chính trong việc hoạch định và thực hiện chính sách, thì với sự chuyển đổi sang mô hình quản lý công mới, nền hành chính công truyền thống với hệ thống thứ bậc chặt chẽ được chuyển dần sang một nền hành chính công mới nhấn mạnh tới yêu cầu trách nhiệm và kết quả công việc thông qua việc áp dụng các kỹ thuật quản lý của khu vực tư.

Vận dụng mô hình quản lí công mới, giáo dục - đào tạo đã có bước chuyển rõ rệt so với mô hình quản lí truyền thống. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất, đẩy mạnh phân cấp quản lý, trao quyền chủ động nhiều hơn cho các nhà quản lý trong điều hành các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lí giáo dục để họ có quyền điều khiển đơn vị một cách chủ động và có kế hoạch hơn.*

Phân cấp quản lý là một yếu tố của mô hình quản lý công mới đã và đang được nhiều quốc gia thực hiện trong tiến trình cải cách hành chính. Phân cấp quản lý cho các cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lí giáo dục cũng nhằm giảm bớt việc quá tải và ách tắc công việc ở các cơ quan hành chính trung ương, các cơ quan quản lí giáo dục cấp trên, đẩy nhanh tiến trình ra quyết định và thực hiện quyết định bằng việc giảm thiểu những vướng mắc do "tập trung hóa quyền lực" trong Bộ, Sở GD-ĐT và cơ quan quản lí hành chính trong giáo dục - đào tạo ở địa phương. Ngoài ra, phân cấp quản lý cũng nhằm giao quyền nhiều hơn trong điều hành hoạt động của các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lí giáo dục.Bộ GD&ĐT chỉ làm nhiệm vụ hoạch định chính sách và hướng dẫn thực hiện chính sách.

Từ thực tiễn phân cấp ở các nước theo mô hình quản lý công mới và từ thực tiễn giáo dục ở Việt Nam cho thấy, muốn đạt kết quả và kiểm soát được "quyền lực" đã trao cho các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục thì song song với việc trao quyền, phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Phải xây dựng một cơ chế với các biện pháp kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục ở các đơn vị đã được phân cấp đang hoạt động vì các mục tiêu đã đặt ra, cũng như phải thiết lập các cơ chế để kiểm tra việc thực hiện công việc của họ.

- Phải xây dựng một hệ thống thông tin có khả năng cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời cho nhà quản lý giáo dục các cấp

- Phải xây dựng các chỉ số để đánh giá việc thực hiện công việc cũng như các phương pháp đánh giá khoa học để kiểm soát các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lí giáo dục.

- Phải đảm bảo các mối quan hệ thông suốt giữa Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT; các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lí giáo dục được phân cấp.

*Thứ hai, tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục trong thực thi công vụ*

Tăng cường trách nhiệm trong công vụ của các nhà quản lý giáo dục và cán bộ công chức, viên chức ngành giáo dục là một trong những nội dung thiết yếu của mô hình quản lý công mới và nội dung này cũng cần phải được quan tâm hơn trong giai đoạn cải cách giáo dục tiếp theo ở Việt Nam. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức có ý nghĩa rất lớn đối với hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục. Muốn đạt được hiệu quả cao, cần phải phân định rõ trách nhiệm cho các cán bộ, công chức, viên chức gắn với các hoạt động công vụ mà họ đảm nhận chứ không chỉ trao quyền. Tuy nhiên, chỉ có thể nâng cao được trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức khi các trách nhiệm đó được cụ thể hóa trong từng mối quan hệ công vụ ở trong từng môi trường tổ chức cụ thể và gắn với từng cá nhân cán bộ, công chức, viên chức chứ không chỉ đề cập đến trách nhiệm một cách chung chung và cần phải nhấn mạnh tới trách nhiệm đối với các kết quả hay mục tiêu cần phải đạt được trong thực thi công vụ. Trách nhiệm trong công vụ của cán bộ, công chức không chỉ phụ thuộc vào ý thức tự giác của bản thân cán bộ, công chức mà đòi hỏi sự hỗ trợ của các nhà quản lý cùng với các quy định rõ ràng của pháp luật. Do vậy, nhà quản lí giáo dục cần chú ý các vấn đề sau:

- Cần phân định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức và viên chức trong từng mối quan hệ công vụ cụ thể đồng thời xác định rõ các quyền hạn tương xứng. Phải xác định rõ các hoạt động và nhiệm vụ cụ thể của mỗi bên trong từng mối quan hệ công vụ.

- Các kết quả mong đợi trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức giáo dục và các bên tham gia trong các mối quan hệ công vụ phải được xác định rõ ràng. Nếu các mục tiêu hoặc các kết quả mong đợi không rõ ràng, trách nhiệm trong thực thi công vụ sẽ khó xác định, công chức không thể chủ động để có trách nhiệm với kết quả của công việc. Khi mục tiêu hay kết quả cần đạt được được xác định rõ ràng, và mỗi bên tham gia trong mối quan hệ công vụ biết bằng cách nào để đạt được những kết quả hay mục tiêu đó họ sẽ chủ động thực hiện trách nhiệm của mình.

- Cần làm rõ trách nhiệm báo cáo giải trình trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Một số vấn đề cần phải làm rõ như: các thông tin nào cần báo cáo, ai báo cáo, báo cáo cho ai và khi nào báo cáo. Phải có các công cụ đo lường để có thể xác định được thu thập và phân tích các thông tin cần báo cáo. Trách nhiệm giải trình phải gắn với từng mối quan hệ công vụ cụ thể như đối với cơ quan quản lí giáo dục cấp trên, các tổ chức xã hội và các bên có liên quan trong từng mối quan hệ công vụ cụ thể đó.

- Phải có cơ chế kiểm soát và điều chỉnh. Muốn cho cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm với kết quả thực thi công vụ của mình, phải chỉ rõ bằng cách nào và ai sẽ xem xét và chịu trách nhiệm với việc kiểm soát quá trình thực thi công vụ của công chức

- Cung cấp các phương tiện và điều kiện pháp lý cũng như các cơ chế cụ thể để có thể khuyến khích công chức, viên chức chủ động tạo ra thay đổi trong tổ chức, trong thực thi công vụ và thực hiện các thay đổi đó.

*Thứ ba, nâng cao năng lực thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành.*

Năng lực của cán bộ, công chức ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công vụ, quyết định đến chất lượng của các chính sách, quyết định trong quản lý hành chính nhà nước và tác động đến việc thực thi các quyết định và chính sách đó trong thực tiễn. Trong xu thế đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay, nếu không có năng lực, cán bộ, công chức, viên chức không dám đương đầu với những thay đổi, không dám chủ động tạo ra thay đổi và không có khả năng làm chủ được thay đổi để ứng phó với những điều kiện phức tạp và luôn biến động của xu thế hội nhập toàn cầu hóa hiện nay.

Năng lực của cán bộ, công chức, viên chức được xác định trong thực tiễn thực thi công vụ. Do đó không chỉ thông qua trình độ đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ được phân ảnh thông qua hệ thống văn bằng, chứng chỉ mà phải được chứng minh trong thực thi công vụ. Vì vậy, phát triển năng lực của cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành giáo dục phải cần đến những giải pháp đồng bộ vừa nâng cao năng lực của cán bộ, công chức, viên chức vừa phải chú ý đến cả các chính sách khác như tuyển dụng, bố trí, sử dụng, tiền lương và các chế độ đãi ngộ... đối với họ.

Trong những năm vừa qua, với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự phối hợp tốt của các Bộ ngành có liên quan, vấn đề chế độ đối với nhà giáo được cải thiện đáng kể. Giáo viên được duy trì thu nhập ổn đinh với phụ cấp ưu đãi phù hợp với từng cấp học; giáo viên công tác tại khu vực vùng sâu, vùng sa, biên giới, hải đảo hoặc những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có chính sách đãi ngộ, thu hút của địa phương, được hưởng chế độ thâm niên công tác theo quy định của pháp luật...

Song song với những chính sách nêu trên, để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lí giáo dục và giáo viên có thể tác động vào động cơ của họ để phát huy tính chủ động của cán bộ, công chức trong phát triển năng lực của bản thân. Muốn vậy, đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của cơ quan quản lí giáo dục và cơ sở giáo dục trong việc xác định năng lực của công chức, viên chức trong mối tương quan với mục tiêu chung của đơn vị. Ngoài ra, bản thân các nhà quản lý giáo dục cũng cần phải thay đổi tư duy trong vấn đề cải thiện và nâng cao năng lực cho công chức, viên chức ngành giáo dục.

1.4. Cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục đào tạo

Chiến lược phát triển giáo dục năm 2011-2020 đã xác định "Đổi mới quản lí giáp dục" là một giải pháp mang tính đột phá có thể tạo nên những bước phát triển nhảy vọt trong giáo dục. Điều đó cho thấy chúng ta thực sự coi trong việc đổi mới quản lí hành chính nhà nước trong giáo dục. Việc xác định mức độ quan trọng của giải pháp này bắt nguồn từ việc nhìn nhận nguyên nhân thực trạng của giáo dục Việt Nam với những bất cập và yếu kém còn tồn tại như:

- Việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là quan điểm "giáo dục là quốc sách hàng đầu" còn chậm và lúng túng.

- Mục tiêu giáo dục toàn diện chưa được hiểu và chưa thực hiện đúng, bệnh hình thức, hư danh, chạy theo bằng cấp chậm được khắc phục, có mặt nghiêm trọng hơn. Tư duy bao cấp còn nặng, làm hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục, đào tạo.

- Việc phân định giữa quản lí nhà nước với hoạt động quản trị trong các cơ sở giáo dục, đào tạo chưa rõ. Công tác quản lí chất lượng, thanh tra, kiểm tra giám sát chưa được coi trọng đúng mức. Sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và gia đình chưa chặt chẽ. Nguồn lực quốc gia và khả năng phần đông gia đình đầu tư cho giáo dục và đào tạo còn thấp sơ với yếu cầu.

Qua thực tiễn trên có thể thấy mặc dù có nhiều cố gắng song chúng ta chưa làm tốt chức năng quản lí nhà nước về giáo dục - đào tạo. Việc thực hiện các mục tiêu giáo dục và quản lí giáo dục còn thấp; công tác kiểm tra, thanh tra chưa phát huy hết tác dụng; chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt nhiệm vụ quản lí Nhà nước còn vừa ôm đồm vừa buông lỏng..." các cấp quản lí giáo dục còn chậm đổi mới tu duy và phương thức quản lí", đây có thể coi là nguyên nhân cơ bản của nhiều vấn đề bức xúc và hạn chế trong giáo dục. Do đó trong hoạt động quản lí giáo dục cần phải tiến hành đổi mới mạnh mẽ như một cuộc cải cách trong giáo dục - đào tạo.

Cải cách hành chính trong giáo dục là cải cách đồng bộ cả 4 yếu tố của nền hành chính đó là: Đổi mới công tác thể chế, hoàn thiện bộ máy quản lí giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và đổi mới công tác tài chính. Nói cải cách hành chính theo một nghĩa khác chính là đổi mới hoạt động hành pháp trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của quản lí. Như vậy vận dụng tinh thần cải cách hành chính để đổi mới quản lí giáo dục là vận dụng tư tưởng đổi mới một cách đồng bộ các hoạt động quản lí từ cơ chế quản lí giáo dục cho đến cách thức tổ chức, chỉ đạo các hoạt động quản lí nhằm làm cho hoạt động giáo dục đảm bảo trật tự kỷ cương góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục của nhà nước một cách có hiệu lực và hiệu quả nhất.

Việc thực hiện cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục diễn ra theo phương hưởng chủ yếu sau:

- Tạo cơ sở pháp lí phù hợp hơn cho hoạt động giáo dục

- Đổi mới công tác quản lí nhân sự theo hướng tập trung "một đầu mối", cơ quan nào quản lí chuyên môn thì cơ quan đó có vai trò chủ chốt trong quản lí các điều kiện như quản lí đội ngũ cùng với các điều kiện khác như cơ sở vật chất và ngân sách

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong ngành giáo dục - đào tạo đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu, đồng thời đảm bảo động bộ các điều kiện cơ sở vật chất - thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa

- Cần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lí nhà trường và cơ quan quản lí giáo dục các cấp.

- Thực hiện phân cấp trong quản lí giáo dục, đổi mới tư duy quản lí, tiếp cận xu hướng hiện đại trong quản lí giáo dục.

**2. Chính sách phát triển giáo dục**

2.1. Chính sách phổ cập giáo dục

Để hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lí về phổ cập giáo dục, xóa mù chứ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2014 với những quy định chi tiết về công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ như sau:

- Nhà nước ưu tiên đầu tư, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia vào việc thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ở Việt Nam theo quy định của pháp luật.

- Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập khi tham gia các chương trình phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo quy định.

- Cá nhân tham gia tổ chức, quản lý, dạy học và các công việc khác để thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được hưởng thù lao theo quy định của Nhà nước.

**-** Trách nhiệm của công dân, gia đình và cơ sở giáo dục đối với phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

+ Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nhiệm vụ học tập để đạt trình độ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để đạt trình độ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo chức năng, nhiệm vụ.

**-** Đối với các điều kiện đảm bảo thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, Nghị định của Chính phủ quy định như sau:

+ Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ là: giáo viên các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác. Các cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật Giáo dục và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục. Trong trường hợp đặc biệt có thể huy động các cá nhân khác tham gia dạy học xóa mù chữ. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên cử người theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại địa bàn được phân công.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Cơ sở tham gia thực hiện phổ cập giáo dục phải có đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình phổ cập giáo dục; Cơ sở giáo dục, trung tâm học tập cộng đồng, các cơ quan, đoàn thể sử dụng cơ sở vật chất của đơn vị mình để tổ chức thực hiện xóa mù chữ. Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khác và cá nhân tạo điều kiện về cơ sở vật chất để thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

**-** Nguồn tài chính đầu tư cho phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: Kinh phí thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được cân đối trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp và nguồn huy động của các tổ chức trong và ngoài nước, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng.

- Nghị định cũng quy định rõ thẩm quyền kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với huyện; Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với tỉnh.

- Nội dung kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

+ Kiểm tra hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và kiểm tra thực tế kết quả thực hiện phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ.

+ Ban hành quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ đối với xã hoặc huyện hoặc tỉnh nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định này.

- Trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

+ Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chính sách, pháp luật về thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Hướng dẫn các địa phương xây dựng quy hoạch mạng lưới trường học phục vụ yêu cầu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Ban hành và hướng dẫn thực hiện chương trình, tài liệu dạy học phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Hướng dẫn các địa phương thực hiện quy định về chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng người tham gia dạy học phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng các chế độ, chính sách đối với phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và kiểm tra, công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Hằng năm tổng hợp kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**-** Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn phương pháp xác định vị trí việc làm, số người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập để thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

**-** Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cân đối trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp.

- Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo cân đối nguồn hỗ trợ của Trung ương để thực hiện phổ cập giáo dục và xóa mù chữ.

- Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức khác

+ Các Bộ, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tham gia thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

**-** Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

+ Chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới trường học và thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp trường học phục vụ yêu cầu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Chỉ đạo thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của tỉnh.

+ Tổ chức kiểm tra, công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ.

+ Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Ban hành các chính sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương để đẩy nhanh phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn.

**-** Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

+ Chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới trường học và thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp trường học phục vụ yêu cầu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Chỉ đạo thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của huyện.

+ Tổ chức kiểm tra, công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

+ Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

**-** Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã.

+ Tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn.

+ Tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

2.2.Chính sách tạo bình đẳng về cơ hội cho các đối tượng hưởng thụ giáo dục và các vùng miền.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã khẳng định: trong điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta còn nhiều khó khăn nhất là ở vùng sâu, vùng sa, vùng dân tộc thiểu số nên để đảm bảo công bằng xã hội, tạo cơ hội bình đẳng để các đối tượng đều được thụ hưởng giáo dục nhất thiết phải thực hiện được một số vấn đề đặt ra như sau:

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập, tiếp tục phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú dành cho con em dân tộc thiểu số, chú trọng quyền học tập của nhân dân trong hàng nghìn xã nghèo nhất

Chuyển dần từ mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học, xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, tạo nhiều khả năng cơ hội khác nhau cho người học, bào đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Tại đại hội lần thứ VIII (1996), Đảng nhận định: " nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội" và việc chuẩn bị những tiền đề cho sự nghiệp CNH-HĐH đất nước đã hoàn thành, đất nước chuyển sang thời kì CNH-HĐH. Trong điều kiện này Đảng ta xác định những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục như sau:

Giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Toàn dân học tập và toàn dân tham gia giáo dục, thực hiện một nền giáo dục thực sự của dân, do dân và vì dân. Mọi người đều được học tập, học tập suốt đời.

Quan điểm chỉ đạo trên cũng xác định rõ: con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Đất nước chỉ có thể đi lên khi dựa vào giáo dục/

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, ai cũng được học hành, người nghèo được ngân sách và cộng đồng trợ giúp để học tập, người học giỏi được giúp đỡ để phát triển tài năng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001), Đại hội X (2006) và Đại hội XI (2011) đêì đặt vấn đề xây dựng xã hội học tập tạo cơ hội bình đẳng về học tập cho mọi đối tượng người học. Việc xây dựng xã hội học tập tuân theo một số nguyên tắc như:

Một là, phải có đủ chính sách và những quy định ràng buộc sao cho bất cứ một công dân nào cũng phải tham gia học tập, từ người dân thường đến nhà lãnh đạo, quản lí xã hội ở cấp cao nhất, từ những người bình thường đến những người khuyết tật và những người trong nhóm yếu thế nhất của xã hội, từ những trẻ sơ sinh đến những người già đã hết nghĩa vụ lao động, từ người mù chữ đến những người đã xó bằng cấp cao nhất do nhà nước công nhận.

Hai là, trong xã hội phải có một hệ thống giáo dục gồm thiết chế giáo dục chính quy và không chính quy liên thông với nhau, hỗ trợ nhau, được bố trí trong hệ thống giáo dục ban đầu và hệ thống giáo dục tiếp theo, bào đảm cho người dân có nhu cầu học tập dù ở thời kỳ lứa tuổi nào cũng đều được đáp ứng. Để thực hiện nguyên tắc này, nhà nước sẽ ban hành chính sách giáo dục thường xuyên với ý nghĩa giáo dục thường xuyên phải được ưu tiên trong mọi chính sách giáo dục quốc gia.

Ba là, xã hội học tập phải mang đầy đủ tính chất "của dân, do dân, vì dân" và nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập thuộc về toàn Đảng, toàn dân, được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa.

\* Một số giải pháp thực hiện chính sách bình đẳng trong giáo dục được rút ra từ thực tiễn giáo dục Việt Nam hiện nay:

Dựa trên các nguyên tắc chỉ đạo ở trên, giáo dục Việt Nam cần tiến hành các giải pháp sau:

- Bảo đảm sự công bằng xã hội về cơ hội học tập

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục là " làm cho dân ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Để phát triển giáo dục theo tư tưởng này cần phát triển đa dạng các hình thức giáo dục (học tập) chính quy, không chính quy và phi chính quy để cho mọi người dân đều có thể lựa chọn một hình thức giáo dục (học tập) phù hợp với bản thân. Sự đa dạng các hình thức giáo dục nói trên sẽ làm tăng cơ hội lựa chọn, trong nền giáo dục càng có nhiều cơ hội cho người dân lựa chọn thì nền giáo dục đó càng phù hợp với sự phát triển của thời đại. Tuy nhiên cũng có một vấn đề đặt ra là, các ngành hữu quan đều phải đảm bảo chất lượng và hiệu quả của các hình thức học tập ở trên, đánh giá và sử dụng công bằng đối với các văn bằng chứng chỉ của những hình thức giáo dục đó.

- Bảo đảm sự công bằng xã hội về điều kiện học tập

Sự khác nhau về điều kiện học tập sẽ dẫn đến sự khác nhau về chất lượng học tập và cuối cùng sẽ dẫn đến việc loại bỏ những người đào tạo ở nơi kém về điều kiện học tập. Đó là một bất công. Do vậy việc đầu tư ngân sách cho những vùng miền khó khăn về kinh tế - xã hội phải thể hiện được sự ưu tiên từ phía nhà nước. Đối xử như nhau với những địa phương có hoàn cảnh về trình độ phát triển khác nhau sẽ là không bình thường. Kết quả sẽ không san lấp được sự khác nhau về điều kiện học tập giữa các địa bàn dân cư. Về điều kiện học tập cần chú ý đến trình độ giáo viên, quy mô và chất lượng trường sở, tính chất hiện đại của các thiết bị dạy học, vệ sinh trường học, điều kiện đi lại của học sinh và giáo viên.

- Xây dựng mô hình học tập ở cơ sở

Ở nước ta, việc xây dựng xã hội học tập phải bắt đầu từ cơ sở, cụ thể hơn, phải có được mô hình học tập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn. Từ nay đến năm 2020, cần tập trung giải quyết mấy yêu cầu của giáo dục trên địa bàn nói trên như: Tất cả trẻ em đều phải được phổ cập bậc giáo dục THCS; Những thanh thiếu niên đã ra khỏi hệ thống giáo dục ban đầu mà ở lại địa phương thì phải được học ở hệ giáo dục tiếp tục, vừa học vừa làm; Trên địa bàn xã, phường, thị trấn phải có nhiều thiết chế giáo dục không chính quy như trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm đào tạo nghề ngắn hạn, trung tâm ngoại ngữ, tin học, lớp xóa mù chữ và các lớp bổ túc sau tiểu học, THCS.... Bên cạnh đó, cần có các thiết chế giáo dục phi chính quy như: nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện hoặc tủ sách, bưu điện văn hóa...Địa phương phải đặt ra các chỉ tiêu cho từng hoạt động của các thiết chế giáo dục nói trên. Việc xây dựng mô hình xã hội học tập trên địa bàn phải gắn với chương trình Nông thôn mới.

- Tạo điều kiện hoạt động cho các tổ chức phi chính phủ có chức năng hỗ trợ người nghèo.

Nhiều tổ chức phi chính phủ có chương trình hỗ trợ người nghèo học tập thông qua các quỹ có tính chất khuyền học, khuyến tài hoặc các giải thưởng cho các hoạt động học tập sáng tạo.

Các tổ chức phi chính phủ thường tổ chức các sự kiện giáo dục gắn với việc trao học bổng cho học sinh nghèo, trao giải thưởng cho học sinh có thành tích học tập tốt, trao những khoản tiền hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh những tổ chức phi chính phủ nói trên, còn có những đội tình nguyện hoạt động tại các địa phương để giúp đỡ những người nghèo được học tập theo những nhu cầu khác nhau của họ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp hưởng ứng và tham gia các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Doanh nghiệp có vai trò rất lớn và rất quan trọng đối với việc góp nguồn tài chính cho việc hình thành các nguồn lực, nhất là nguồn tiền, để từ đó tạo ra các quỹ người nghèo học tập.

2.3. Chính sách chất lượng;

Chất lượng giáo dục được đặt ra trong bối cảnh nước ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường thoe định hướng XHCN, mở cửa và bước vào hội nhập với khu vực và thế giới. Trong khi đó xu thế toàn cầu hóa, xu thế hợp tác và cạnh tranh không những mang tầm cỡ quốc gia mà còn mang tầm cỡ quốc tế diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ngày càng gay gắt. Bên cạn đó, kinh tế tri thức, xã hội thông tin, xã hội học tập đang hình thành và phát triển ở nhiều nước trong đó có nước ta. Đây là thời cơ và cũng là thách thức đối với giáo dục.

Chất lượng giáo dục được quan niệm khác nhau và được xác định bởi hệ thống các chỉ số cụ thể: đầu vào, đầu ra, được đánh giá bằng kiểm toán hoặc được đánh giá bằng sự phù hợp với mục đích, các tiêu chuẩn hoặc đáp ững nhu cầu của lực lượng sử dụng lao động.

Chính sách chất lượng là toàn bộ ý đồ và định hướng về chất lượng do lãnh đạo cao nhất của doanh nghiệp chính thức công bố. Chính sách chất lượng trong giáo dục được thể hiện ở yêu cầu về mô hình nhân cách đặt ra cho người học sau quá trình học tập. Chính sách chất lượng là ý đồ và hoạch định để đảm bảo giáo dục nhà trường tạo ra những sản phẩm phù hợp với yêu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực.

Chính sách chất lượng là được coi là cơ sở xây dựng thương hiệu của nhà trường, quản lí giáo dục là quản lí con người, tromg đó luôn diễn ra quan hệ người - người hết sức phong phú, sinh động và cũng rất phức tạp, rất nhiều biểu hiện không cân, đong, đo đếm được. Chính cách chất lượng trong giáo dục cũng cần tính đến những khó khăn này để đảm bảo chất lượng đầu ra là sự phát triển nhân cách của người học.

Đối với một cơ sở giáo dục phổ thông, chất lượng của nhà trường được thể hiện thông qua chương trình hành động gồm 10 yếu tố sau (Dẫn theo Chương trình hành động Darkar năm 2000 của UNESSCO):

Người học khỏe mạnh, được nuôi dạy tốt, được khuyến khích thường xuyên để có động cơ học tập chủ động

Giáo viên thành thào nghề nghiệp

Phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực

Chương trình giáo dục thích hợp với người dạy và người học

Trang thiết bị, phương tiện, đồ cùng giảng dạy và học tập, học liệu và công nghệ giáo dục thích hợp, dễ tiếp cận và thân thiện với người sử dụng.

Môi trường học tập bảo đảm vệ sinh, an toàn, lành mạnh.

Hệ thống đánh giá thích hợp với môi trường, quá trình giáo dục và kết quả giáo dục.

Hệ thống quản lí giáo dục có tính cùng tham gia và dân chủ

Tôn trọng và thu hút được cộng đồng cũng như nền văn hóa đại phương trong hoạt động giáo dục

Các thiết chế, chương trình giáo dục có nguồn lực thích hợp, thỏa đáng và bình đẳng.

Như vậy dựa trên 10 yếu tố có thể thấy để đánh giá chất lượng của nhà trường cần dựa vào cả quy trình với cả 3 khâu: đầu vào, quá trình và đầu ra. Đây là quan điểm hiện đại giúp chúng ta khắc phục sự phiến diện: chỉ đánh giá kết quả đầu ra, hơn nữa chỉ đánh giá kết quả quá trình giáo dục thông qua thi cử. Hoặc có quan niệm sai lầm: thi thế nào thì học thế ấy.

Để thực hiện được chính sách chất lượng trong các cơ sở giáo dục, cần xác định rõ mục đích giáo dục của bậc học, vận hành các điều kiện đảm bảo thực hiện thành công quy trình nhằm đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

2.4. Chính sách xã hội hóa và huy động các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình giáo dục

Thuật ngữ "xã hội hóa" dùng trong các văn kiện của Đảng, Nhà nước bao hàm ý nghĩa huy động, động viên các lực lượng xã hội. Trong khoa học xã hội nói chung, xã hội hóa là thuật ngữ chỉ trong quá trình con người tiếp thu những kinh nghiệm xã hội - lịch sử, biến những kinh nghiệm đó thành tri thức, kỹ năng, thái độ của riêng họ, từ đó họ trở thành nhân cách. Thuật ngữ "xã hội hóa giáo dục" ở đây được tiếp cận theo lớp nghĩa là cùng làm để phát triển giáo dục, nhân dân sẽ tham gia đóng góp một phận nhân lực, vật lực và tài lực cho phát triển giáo dục, giảm bớt gánh nặng của ngân sách nhà nước.

Để thể chế hóa chủ trương xã hội hóa của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 90-NQ/CP về " phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa". Nội dung cơ bản của nghị quyết như sau:

- Vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân vào sự nghiệp phát triển giáo dục, y tế, văn hóa.

- Xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tổ chức Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân đối với việc tạo ra và phát triển môi trường kinh tế - xã hội cho các hoạt động văn hóa - xã hội, mở rộng cơ hội cho các tầng lớp nhân dân được tham gia một cách chủ động và bình đẳng vào các hoạt động xã hội.

- Đa dạng hóa các hình thức hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa - xã hội, mở rộng cơ hội cho các tầng lớp nhân dân được tham gia một cách chủ động và bình đẳng vào các hoạt động xã hội.

Đa dạng hóa các nguồn đầu tư, khai thác các nguồn nhân lực, vật lực đang tiềm ẩn trong xã hội.

2.5. Chính sách đầu tư cho phát triển giáo dục.

Giáo dục luôn là sự quan tâm đầu tư của mọi người, mọi gia đình và xã hội. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng giáo dục và đã có nhiều chủ trương, chính sách, luật pháp về giáo dục. Trong thời kỳ đổi mới, cùng với sự phát triển của đất nước, nền giáo dục của nước ta đã có những bước phát triển đáng kể. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển theo quy mô, chất lượng và hiệu quả giáo dục còn nhiều bất cập. Sự trăn trở, băn khoăn của xã hội về giáo dục nhiều nhất là việc đầu tư của gia đình và xã hội sao cho hiệu quả.

Quy mô giáo dục nước nhà trong thời kỳ đổi mới đã tăng lên đáng kể, số lượng người học bậc phồ thông tăng lên đáng kể, cơ sở vật chất của nhà trường đã được bổ sung từ ngân sách và sự đóng góp của dân và sự tài trợ, vốn vay các nước từ nguồn vốn ODA. Nhờ được đầu tư, nhiều cơ sở giáo dục, sách giáo khoa, đội ngũ giáo viên được đào tạo cũng đã được cải thiện phần nào. Giáo dục đào tạo đã đã đóng góp đáng kể về đội ngũ cán bộ được đào tạo từ nhà trường trong công cuộc đổi mới đất nước.

Để lựa chọn các giải pháp ưu tiên đầu tư cho giáo dục trong thời điểm hiện nay cần tập trung vào các mục tiêu sau đây:

- Ưu tiên đầu tư cho giáo dục mầm non cả từ ngân sách và xã hội, chú trọng dinh dưỡng giúp cho trẻ khoẻ mạnh, vui chơi, và phát triển trí tuệ hồn nhiên ở cả thành thị, nông thôn và miền núi.

- Tập trung ngân sách đầu tư cho mục tiêu phổ cập. Không bỏ rơi một cháu nào bị thất học là trách nhiệm của gia đình, địa phương và Nhà nước. Hướng nghiệp để phân luồng từ giáo dục trung học cơ sở để các em có thể tiếp tục học lên hoặc học nghề đi vào cuộc sống lao động.

- Giáo dục nghề nghiệp từ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học cần phải sắp xếp lại về cơ cấu ngành nghề theo yêu cầu của một nền kinh tế công nghiệp để có một đội ngũ lao động có trình độ công nhân giỏi, kỹ sư giỏi phù hợp với cơ cấu lao động mới theo nhu cầu xã hội.

- Coi trọng và ưu tiên giáo dục cho giáo dục miền núi, dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng khó khăn.

- Đầu tư đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cả số lượng và chất lượng, cả chuyên môn và đạo đức vì đây là đội ngũ nòng cốt tác động trực tiếp vào chất lượng giáo dục.

- Hợp tác với các trường danh tiếng trong khu vực và trên thế giới để xây dựng một số trường, một số ngành đào tạo và nghiên cứu phục vụ nền kinh tế nước nhà, có chất lượng tương đương với trình độ quốc tế.

- Có cơ chế, chính sách ưu tiên của Nhà nước và nhân dân trong việc xây dựng cơ sở vật chất trường sở, khu nội trú, ký túc xá, phòng thí nghiệm trong hệ thống giáo dục, để cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho sinh viên, giáo viên, cán bộ quản lý và nâng cao trình độ thực hành cho học sinh, sinh viên.

**-** Vấn đề đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống giáo dục phổ thông

Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho giáo dục phổ thông trong thời kỳ đổi mới đã được nâng dần qua các năm. Năm 1986 chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục là 6,9%, so với GDP là 1,4%; Năm 2007 chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục là 19%, so với GDP là 6,3%, năm 2008 là 20%, so với GDP là 6,5%. Ngoài ngân sách sự đầu tư do người học và xã hội đóng góp cũng khá lớn.

Tuy vậy, cơ sở vật chất của các trường học trong hệ thống giáo dục của nước ta còn rất thấp so với các nước, nhất là cơ sở vật chất của các trường trường phổ thông ở vùng sâu, vùng xa. Hầu hết các trường thiếu phòng học, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ và thư viện. Số ký túc xá cũ được xây dựng từ những năm 1960 đã hư hỏng, số xây dựng mới chưa đáng kể. Sân vận động là nơi rất cần cho việc giáo dục thể chất, giúp học sinh rèn luyện sức khỏe, nhưng số trường có sân vận động cũng không phải là lớn.

**Đ. CÂU HỎI/GỢI Ý ÔN TẬP CHUYÊN ĐỀ VÀ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC/GỢI Ý THẢO LUẬN**

1. **Hướng dẫn tự học và thảo luận**

1.1. Phân tích chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lí giáo dục các cấp.

1.2. Phân tích sự giống và khác nhau trong thực hiện chính sách chất lượng trong giáo dục và trong kinh tế - sản xuất.

1.3. Phân tích vai trò của công tác xã hội hóa trong công tác giáo dục cấp Trung học cơ sở hiện nay.

1.4. Tại sao phải đảm bảo chính sách công bằng xã hội, tạo cơ hội học tập bình đẳng trong giáo dục?

1.5. Đánh giá mô hình quản lí hành chính nhà nước về giáo dục ở nước ta hiện nay và nêu giải pháp phát huy hiệu quả quản lí.

1.6. Đánh giá hiệu quả của các chính sách giáo dục đang thực thi tại cơ sở giáo dục nơi anh chị công tác.

1. **Câu hỏi hướng dẫn ôn tập**

2.1. Phân tích các nguyên tắc quản lí nhà nước về giáo dục đào tạo.

2.2. Trình bày nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lí giáo dục cấp TƯ, cấp tỉnh, cấp huyện.

2.3. Tại sao cần tiến hành cải cách hành chính trong giáo dục?

2.4. Mô hình quản lí nhà nước về giáo dục hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động của các trường THCS nơi anh (chị) công tác?

2.5. Phân tích hiệu quả chính sách tạo cơ hội bình đẳng trong giáo dục được thực hiện ở địa phương anh (chị) công tác.

**E. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nhóm tác giả, đề cương bài giảng Quản lí giáo dục và chính sách phát triển giáo dục trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa năm 2017.
2. Nguyễn Thị Tính (2014), Giáo trình Lý luận chung về quản lí và quản lí giáo dục, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
3. Trần Kiểm (2015), Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lí giáo dục, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
4. Phạm Tất Dong (2014), Mấy vấn đề lí luận và thực tiễn của đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Nghị định 20/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

*6. (Theo:* [*http://nhandan.org.vn*](http://nhandan.org.vn/)*)*